

TỪ NGỮ TRONG ÁN VĂN TIẾNG VIỆT HIỆN NAY: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

NGUYỄN THỊ LỆ*

TÓM TẮT

Trên cơ sở khảo sát ngữ liệu thực tế, bài viết trình bày thực trạng sử dụng từ ngữ trong án văn tiếng Việt hiện nay, chỉ ra những vấn đề trong ngôn ngữ án văn như sử dụng từ ngữ thiếu nhất quán, sai phong cách, dùng thừa từ ngữ, dùng sai nghĩa của từ ngữ và bước đầu đề xuất một số giải pháp khắc phục.

Từ khóa: ngôn ngữ trong án văn, bản án, án văn, lỗi dùng từ ngữ.

ABSTRACT

The words in the Vietnamese sentences now - status and solutions

Based on the survey of the real linguistic data, the study presents the status of using words in Vietnamese sentences, showing the linguistic problems in the sentences - using words which are inconsistent, out of style, pleonastic or wrong meaning, and initially suggesting some measures to improve.

Keywords: the words in the sentence, judgment, sentence, using wrong words.

1. Đặt vấn đề

Từ điển Luật học (1999) đã định nghĩa về án văn như sau: “Án văn là văn bản phản ánh kết quả xét xử của tòa án về một vụ án cụ thể (án hình sự, dân sự, kinh tế, lao động, hành chính), trong đó nêu rõ: ngày tháng mở phiên tòa, thành phần hội đồng xét xử, các bên tham gia tố tụng, nội dung sự việc, nhận định của tòa án và quyết định của tòa” [6, tr.18].

Trong *Từ điển tiếng Việt* (Hoàng Phê chủ biên, 2004) không có từ “án văn” nhưng án văn được gọi dưới một tên khác là *bản án* và được định nghĩa là: “Quyết định bằng văn bản của tòa án sau khi xét xử vụ án” [5, tr.30].

Như vậy, bản án có tính quyết định đến số phận, tính mạng, tài sản của cá nhân và pháp nhân. Công bố bản án là thủ tục pháp lý bắt buộc để khép lại một

quá trình xét xử. Sau khi người có thẩm quyền đọc bản án trước tòa, trong một thời hạn nhất định, bản án sẽ được sao y và gửi cho các cấp chính quyền, gửi cho các bên đương sự. Vì vậy, bản án cần phải chuẩn xác trong việc sử dụng ngôn từ và tổ chức ngôn bản mới đảm bảo được chất lượng của bản án, tạo niềm tin cho nhân dân và góp phần chuẩn hóa tiếng Việt. Tuy nhiên, do những nguyên nhân chủ quan và khách quan, cho đến nay, án văn/bản án tiếng Việt vẫn còn có nhiều vấn đề về từ ngữ, câu và tổ chức văn bản.

Trên cơ sở khảo sát 74 bản án gồm 561 trang, thuộc tòa án sơ thẩm, phúc thẩm của các tỉnh thành phía Nam như Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Thuận, Cần Thơ, Đồng Nai, Đồng Tháp, Lâm Đồng, Hậu Giang, Long An, Ninh Thuận, Sóc Trăng, Tây Ninh, Thành phố Hồ Chí Minh, Vĩnh Long, chúng tôi tạm khái

* HVCH, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

quát hóa các vấn đề về từ ngữ xuất hiện trong án văn thành ba loại lớn: về xưng - hô, về phong cách chức năng ngôn ngữ và về ngữ nghĩa trong phát ngôn.

Với mỗi loại, chúng tôi sẽ chọn lựa một số ví dụ tiêu biểu để phân tích và bước đầu đề xuất giải pháp khắc phục. Để việc đề xuất giải pháp được cụ thể, chúng tôi sẽ gắn liền các đề xuất giải pháp với từng vấn đề được nêu.

2. Những vấn đề về từ ngữ trong án văn

2.1. Về xưng - hô

Trong tiếng Việt, từ ngữ dùng để xưng - hô rất đa dạng và phong phú. Việc sử dụng từ ngữ xưng hô tùy thuộc vào nhiều yếu tố, có khi rất tế nhị. Án văn là văn bản hành chính, đòi hỏi từ ngữ dùng để xưng hô phải có sự thống nhất - khuôn mẫu, mang sắc thái trang trọng và đảm bảo tính chất xã hội. Tuy nhiên, có thể nói, do cho đến nay vẫn chưa có những quy định cụ thể về cách xưng hô trong án văn, nên trên thực tế đã xuất hiện những cách xưng - hô không phù hợp.

Trước hết là vấn đề *xưng danh*. *Xưng danh* là yếu tố cần thiết nhằm đảm bảo tính minh bạch và khách quan của tòa án trong quá trình xét xử. Trong án văn, *cấu trúc xưng danh* thường theo khuôn mẫu.

Ví dụ¹:

(1) TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:
ông Nguyễn Thanh Tâm

Thẩm phán - Thành viên hội đồng xét xử: Bà Trần Thị Thiên Hương

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Hà - Cán bộ hưu trí

Ông Phan Tấn Khé - Hội nông dân tỉnh Bình Thuận

Bà Lê Thị Thanh Tâm - Cán bộ hưu trí

Thư kí tòa án ghi biên bản phiên tòa: Cô Hồ Nữ Kiều Mỹ - Cán bộ tòa án

Đại diện VKSND Bình Thuận: Ông Nguyễn Văn Thao - Kiểm sát viên

(Trong quá trình xét xử về sau, việc xưng danh sẽ được biểu thị bằng cụm từ thay thế là “Hội đồng xét xử”, như: *Hội đồng xét xử nhận định, Hội đồng xét xử xét thấy...*)

(Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, *Bản án số 08/2009/HSST*)

Việc xưng danh các thành viên trong hội đồng xét xử thường có mô hình như sau: **Chức danh: danh từ chỉ đơn vị + họ tên**

Danh từ chỉ đơn vị đi cùng với họ tên thường gặp nhất trong án văn là *ông/bà*.

Tuy nhiên, trong một số bản án, cũng có thành viên được xưng là *cô* (như ví dụ đã dẫn ở trên) hoặc chỉ có *họ tên*, như: *Thư kí tòa án ghi biên bản phiên tòa: Dư Tuyết Lạnh, thư kí Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ*.

Việc xưng danh không nhất quán như trên cho thấy có sự phân biệt về tuổi tác hay chức vụ của các thành viên trong Hội đồng.

Tiếp đến là vấn đề *hô gọi*. Trên thực tế, trong một bản án, những đối tượng tham gia tố tụng có khi không được gọi theo cùng một cách thức và trong các bản án, cách gọi tên cũng không được thống nhất.

Việc hô gọi khác nhau đối với các đối tượng tham gia tố tụng trong cùng một bản án chủ yếu là do họ có mối quan hệ huyết thống hoặc có sự chênh lệch về tuổi tác.

Ví dụ:

(2) Khi Tòa sơ thẩm thụ lý ông L.V.T. còn sống. Ngày 26/5/2009 ông L.V.T. bị bệnh chết, ông L.V.T. có bảy người con gồm:

1/ L.V.C. – sinh năm 1948

2/ L.V.B. – sinh năm 1953

3/ L.T.Đ. – sinh năm 1957

4/ L.T.N. – sinh năm 1963

5/ L.T.N.E. – sinh năm 1963

6/ L.T.N. – sinh năm 1959

7/ L.T.B.T. – sinh năm 1970

Ông C., ông B., chi Đ., chi N., chi N. E. cùng ủy quyền cho chi L.T.B.T.

(Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, Bản án số 264/2009/DSPT)

(3) Cụ H. chết ngày 04/8/2006. Trước khi cụ N.T.H. chết, cụ H. có làm tờ di chúc để lại toàn bộ căn nhà số [...] cho con là ông H.N.K. được thừa kế di sản của cụ.

(Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Bản án số 2584/2009/DS-PT)

Có những trường hợp chỉ gọi tên đối tượng, như:

(4) Tặng cho thuốc vào lon nhưng thuốc không đầy nên Tặng cho thêm tro vào rồi tra dây chày chặm vào kíp nổ còn mới để vào giữa lon thuốc nổ [...].

(Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Bản án số 08/2009/HSST)

Ngoài những danh từ chỉ đơn vị thường dùng như: ông, bà, anh, chị, ở một số bản án còn dùng những danh từ

chỉ đơn vị khác như: cháu, em để gọi kèm theo tên các đối tượng nhỏ tuổi.

Ví dụ:

(5) Bị cáo N.N.H. nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, không những xâm phạm tới danh dự, nhân phẩm cháu K.S. mà còn gây ảnh hưởng xấu tới đạo đức, thuần phong mỹ tục.

(Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Bản án số 14/2009/HSST)

Như vậy, việc sử dụng những danh từ chỉ đơn vị khác nhau để hô gọi các đối tượng tham gia tố tụng theo cách hô gọi trong giao tiếp thông thường đã làm giảm đi tính chất xã hội của từ ngữ xưng hô trong án văn.

Về từ ngữ xưng hô trong án văn, chúng tôi đề nghị: Nên xưng hô các đối tượng đã trưởng thành (bao gồm các thành viên trong hội đồng xét xử và các đương sự) theo đúng một cách thức là ông/bà + họ tên. Như vậy sẽ đảm bảo được tính thống nhất trong xưng hô và sự bình đẳng giữa các đối tượng tham gia tố tụng.

Ngoài ra, trong một số bản án còn có những sai sót nghiêm trọng về việc sử dụng đại từ nhân xưng. Đây chính là lỗi từ ngữ thường thấy trong nhiều bản án.

Ví dụ:

(6) Bị đơn cho rằng vào năm 1962 cha, mẹ chúng tôi là ông N.V.Q.(chết 1993) và bà N.T.H.(chết) chuyển nhượng của ông N.V.Đ.diện tích 137m², số địa bộ cũ là 296.

(Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, Bản án số 176/2009/DSPT)

(7) Tờ tường trình của ông N.V.V. tại (BL 66) không đồng ý giao trả đất

theo yêu cầu của bà N., nguyên nhân phân đất được ông bà cho ở từ năm 1961 (trong đó phân nửa đất do ông Quân có cho tôi từ năm 1982 ngang 18m x dài 33m, giá là 80 gia lúa, thời hạn cố là một năm có làm giấy tay).

(Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, Bản án số 429/2008/DSPT)

Phần “*Nhận thấy*” của bản án là phần ghi lại nội dung vụ án, lời trình bày của các đương sự, của luật sư và những người liên quan tới vụ án. Lời trình bày của họ thường được dẫn một cách tóm tắt và là lời gián tiếp thông qua ngôn từ của người viết án. Vì vậy, đại từ nhân xưng trong lời trình bày của đương sự cần phải được đổi lại cho tương ứng. Ví dụ: *tôi* -> *ông/bà, chúng tôi* -> *các nguyên đơn/các bị đơn/các ông/các bà...* hoặc phải cấu tạo thành lời dẫn trực tiếp đặt trong ngoặc kép.

2.2. Về phong cách chức năng ngôn ngữ

Án văn là một dạng văn bản pháp luật, thuộc phong cách hành chính - công vụ. Yêu cầu về từ ngữ trong phong cách hành chính - công vụ là “được lựa chọn khắt khe, không thể có những từ ngữ chung chung, mơ hồ, mang tính chất hình ảnh biểu tượng, để có thể bị bắt bẻ xuyên tạc, không thể có những từ ngữ địa phương, biệt ngữ, tiếng lóng, những từ mang màu sắc *hội thoai* và *hội thoai thông tục*” [4, tr.73]. Tuy vậy, một số án văn vẫn mắc phải những lỗi cơ bản về phong cách, như chúng tôi sẽ trình bày sau đây.

2.2.1. Dùng từ ngữ địa phương

Xét về khía cạnh tiếp nhận thông tin, thì việc sử dụng từ địa phương phần nào giúp cho người dân tiếp nhận thông

tin dễ dàng và hiệu quả hơn. Nhưng không phải bản án nào của địa phương cũng có ngay hiệu lực pháp luật và đặt dấu kết thúc cho một vụ án mà bản án đó có thể còn bị kháng cáo, kháng nghị lên cấp cao hơn. Người thụ lý và xét xử án ở cấp cao hơn có thể không phải là người thuộc địa phương đó và vì thế mà việc sử dụng từ ngữ địa phương trong án văn có thể sẽ làm ảnh hưởng tới quá trình xét xử tiếp theo. Ngoài ra, việc sử dụng từ ngữ địa phương trong án văn còn làm cho bản án giảm đi tính trang trọng cần có của một văn bản hành chính.

Một số ví dụ:

(8) *Anh T.V.C. trình bày: Vào ngày 01/10/2008 anh có mua của anh N.V.M. một phần đất ruộng diện tích là 1.354m² và 02m đường đi từ tim lộ nhựa vô ruộng chiều dài là 71,8m.*

(Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, Bản án số 384/2009/DSPT)

(9) *Ông S., bà T. liên hệ với cơ quan chức năng để làm thủ tục hợp thức hóa quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất tại địa chỉ nêu trên và chịu thuế và các chi phí theo quy định của pháp luật, bà T. có trách nhiệm thối lại cho ông S. 57.278.30 đồng.*

(Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, Bản án số 09/2009/HNPT)

(10) *Khi đi được khoảng 60m thì đến nhà của anh N.G.H. - chạy xe honda om, C. thuê xe anh H. chở C. xuống bến phà Trà Ôn với giá 15 000đ, rồi anh H. quay về, C. không qua phà mà đi ngược ra hướng cầu Sóc Tro, thuộc ấp An Thới, xã Ngãi Tứ, huyện Tam Bình, rồi vào quán nhậu Duy Tân, kêu 02 xi rượu, 1 đĩa cánh gà ngòi nhâu một mình.*

(Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, *Bản án số 05/2010/HSST*)

(11) Theo biên bản số 76/VB-UB ngày 09/5/1998 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi và biên bản phân ranh đất ngày 25/5/1998 của Ủy ban nhân dân xã Tân An Hội thì ông R. giao lại cho bà R. sử dụng phần đất từ 7 - 10 cao.

(Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, *Bản án số 1153/2008/DS-PT*)

Những từ địa phương được sử dụng trong các án văn trên hoàn toàn có thể thay thế bằng những từ toàn dân tương ứng. Đối với những đơn vị đo lường như: *giạ lúa, cao đất, công, tầm, xi...*, những đơn vị này không có từ toàn dân tương ứng nhưng có thể quy đổi ra đơn vị đo lường chuẩn như kg, m², lít... Khi sử dụng những từ địa phương như vậy, người viết cần thêm một chú thích bên cạnh để vẫn đảm bảo được khả năng tiếp nhận thông tin của người dân địa phương mà không gây cản trở đối với quá trình xét xử tiếp theo.

2.2.2. Dùng từ ngữ khẩu ngữ

Khẩu ngữ là ngôn ngữ nói được sử dụng trong sinh hoạt hàng ngày. Mặc dù án văn viết ra là để đọc trước tòa và chỉ khi được đọc trước tòa thì án văn mới có giá trị pháp lý nhưng việc tòa tuyên án chỉ là hình thức đọc lại văn bản đã được soạn thảo từ trước. Cũng như từ ngữ địa phương, những từ ngữ khẩu ngữ sẽ làm giảm đi tính nghiêm túc, trang trọng cần có của một án văn.

Ví dụ:

(12) Khi đó, ông V. đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngoài ra trong suốt quá trình hộ bà N. sử dụng đất cũng không hề đăng kí quyền sử

dụng đất và cũng không khiếu nại gì việc ông V. được cấp quyền sử dụng đất cho đến khi bà T. có tranh chấp.

(Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, *Bản án số 465/2008/DS-PT*)

(13) [...] khi gặp nhóm thanh niên đang ngồi trong quán, bị cáo không hỏi người nào đã gây xích mích hay mâu thuẫn gì cả, cũng không nói năng gì hết, rồi bị cáo dùng dao đâm vào đùi thanh niên ngồi kế bên [...].

(Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, *Bản án số 04/2010/HSST*)

(14) [...] lúc cố đất hai bên có làm giấy tay, đến năm 1998 ông M. có đến gặp ông H. xin chuộc lại đất thì ông H. cho rằng ông M. đã sang đứt nên không cho chuộc lại.

(Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, *Bản án số 135/2008/DSST*)

(15) Hành vi của bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, xuất phát từ hành động thiếu tế nhị của người bị hại L.U. là khi ông L.U. và bị cáo C. cạ cãi, lời qua tiếng lại và so sánh bị cáo nhậu nhẹt, quậy quạn giống con trai của ông [...].

(Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, *Bản án số 05/2010/HSST*)

Các từ ngữ khẩu ngữ *không hề, gì cả, gì hết, đứt* trong các ví dụ (12), (13), (14) được người viết án dùng để thể hiện ý phủ định/khẳng định một cách dứt khoát. Các từ láy âm dùng trong khẩu ngữ “*nhậu nhẹt*”, “*quậy quạn*” ở ví dụ (15) là những từ có hàm ý chê bai. Những từ ngữ khẩu ngữ mang sắc thái biểu cảm này hoàn toàn không phù hợp với đặc điểm ngôn ngữ của án văn.

2.2.3. Dùng từ ngữ chung chung, mơ hồ

Bản án thể hiện tính quyền lực của nhà nước. Những nhận định, kết luận mà mỗi một bản án đưa ra liên quan đến sinh mạng, tài sản của công dân và pháp nhân. Những nhận định, kết luận đó được đòi hỏi phải minh xác. Cho nên, trong bản án không được phép sử dụng những từ ngữ chung chung, mơ hồ về nghĩa.

Tuy nhiên, trong quá trình khảo sát, chúng tôi nhận thấy rằng hầu hết những án văn khi lập luận và đưa ra kết luận ở phần “*Xét thấy*” thường sử dụng từ “*nghĩ*”, “*nên*” như một khuôn mẫu.

Vi dụ:

(16) Bà S. chỉ yêu cầu bồi thường số tiền 1.718.000 đồng nghĩ nên chấp nhận.

(Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, Bản án số 222/2009/DS-PT)

(17) *Xét các tang vật trên là công cụ mà bị cáo C. sử dụng phạm tội là của bị cáo, nghĩ nên tịch thu tiêu hủy.*

(Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận, Bản án số 04/2009/HSST)

(18) *Hội đồng xét xử nghĩ cần thiết phải xử lý nghiêm khắc các bị cáo với mức án tương ứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo gây ra.*

(Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, Bản án số 08/2009/HSST)

Nghĩ thường được hiểu là một động từ chỉ quá trình tư duy, vận dụng trí tuệ vào những gì đã nhận biết được, rút ra nhận thức mới để có ý kiến, sự phán đoán, thái độ. Kết quả của quá trình ấy là đưa ra kết luận của bản thân về vấn đề. *Nghĩ* còn có nghĩa thứ hai là “cho rằng, cho là”, ví dụ như: *tôi nghĩ là anh ấy sẽ đến* = *tôi cho là/cho rằng anh ấy sẽ đến*. Nhưng từ *nghĩ* trong trường hợp này mang tính chất phỏng đoán, biểu lộ sự

đánh giá chưa chắc chắn về nội dung sự việc, vì có thể: *tôi nghĩ là anh ấy sẽ đến nhưng anh ấy lại không đến*. Vì vậy, sử dụng từ *nghĩ* trong án văn như những ví dụ trên dù hiểu theo nghĩa nào cũng là mơ hồ, không rõ ràng, chưa thể hiện được tính minh xác trong việc xử lý vấn đề.

Hơn nữa, từ *nên* được sử dụng trong những ví dụ trên là một động từ biểu thị việc, điều đang nói đến là hay, có lợi, làm hoặc thực hiện được thì tốt hơn. Như vậy rõ ràng từ “*nên*” không phù hợp với tính chất pháp lý của án văn. Bởi lẽ trong án văn không có chuyện *nên* hay *không nên* làm gì đó mà chỉ có *đúng* hay *sai*, được phép làm hay không được phép làm gì đó.

Theo chúng tôi, cần phải thay thế những từ ngữ *nghĩ nên* trong bản án bằng những từ ngữ khác phù hợp.

2.3. Về ngữ nghĩa trong phát ngôn

2.3.1. Dùng thừa từ ngữ

Lỗi dùng thừa từ ngữ là những lỗi mà trong phát ngôn có những từ ngữ không được hoặc không cần thiết phải xuất hiện. Xét những ví dụ sau:

(19) *Đến ngày 06/3/2000 bên phía gia đình ông T. tìm được trụ đá ranh ở phía sau hậu đất.*

(Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, Bản án số 451/2008/DS-PT)

(20) *Các nguyên đơn kháng cáo chỉ đồng ý cho hộ ông T., bà Th. được sử dụng một lối đi ngang 1,6m là không phù hợp vì bình thường thì không sao nhưng khi có hữu sự xảy ra thì không đảm bảo, nên phải cho một lối đi chung ngang 02m.*

(Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, Bản án số 451/2008/DS-PT)

(21) *Án sơ thẩm quyết định cho bị đơn ổn định phân đất tranh chấp 80m² và thanh toán tiền quyền sử dụng đất cho nguyên đơn là chưa chính xác, cần cải sửa án.*

(Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, *Bản án số 274/2008/DS-PT*)

Cả 3 ví dụ trên đây đều có lỗi trùng ngôn do cùng một nguyên nhân là người viết không hiểu nghĩa của các yếu tố Hán Việt. Trong những kết hợp: *phía sau hậu, có hữu sự, cải sửa án* cần phải bỏ đi một yếu tố trùng lặp để không bị “tối nghĩa”; và theo chúng tôi, trong những trường hợp trên, nên bỏ đi yếu tố *hậu* trong *phía sau hậu*, bỏ yếu tố *cải* trong *cải sửa án*, bỏ yếu tố *hữu sự* và thay vào đó là cụm từ *có việc xảy ra*.

Xét ví dụ (22)

Xem xét nội dung đơn kháng cáo của nguyên đơn, quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát, nghe qua lời đề nghị của các đương sự, vị đại diện Viện Kiểm sát cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ được kiểm tra tại phiên tòa.

(Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, *Bản án số 58/2010/DS-PT*)

Từ “qua” trong trường hợp này có thể hiểu theo hai nghĩa: Nghĩa thứ nhất *qua* là kết từ biểu thị sự việc sắp nêu ra là môi giới, phương tiện của hoạt động được nói đến. *Qua* cũng có thể hiểu là một phụ từ biểu thị ý làm việc gì đó một cách nhanh chóng, qua loa, không kĩ. Nếu hiểu từ *qua* theo nghĩa thứ hai thì phát ngôn trên được hiểu là: Hội đồng xét xử nghe một cách qua loa, đại khái lời đề nghị của các đương sự và vị đại diện Viện Kiểm sát. Như vậy tính chất nghiêm túc, trung thực nhân danh pháp luật của

Tòa án bị giảm đi đáng kể. Nếu bỏ từ *qua* thì phát ngôn trở nên rõ nghĩa hơn, tránh được sự hiểu lầm. Vì vậy từ *qua* ở đây cũng được chúng tôi xem là lỗi thừa từ.

Xét thêm các ví dụ:

(23) *Thời gian gần đây đã liên tiếp xảy ra nhiều vụ án giết người với những xích mích, mâu thuẫn nhỏ, không lớn trong sinh hoạt hằng ngày của cuộc sống.*

(Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, *Bản án số 05/2010/HSST*)

(24) *Năm 1988, Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi và Ủy ban nhân dân xã Tân Thông Hội giải quyết cho bà P.T.R. sử dụng khoảng 7 - 10 cao đất, tọa lạc tại ấp Tây, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi và yêu cầu bà R. về canh tác, sử dụng trong 06 tháng.*

(Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, *Bản án số 11153/2008/DS-PT*)

(25) *Bà K. bà D. vắng mặt, các đương sự khác còn lại có mặt tại phiên tòa.*

(Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ, *Bản án số 79/2008/DSST*)

(26) *Tại phiên tòa ngày hôm nay hộ ông D. cho rằng ông chỉ bán chuyển nhượng cho bà N. diện tích 305,37m² (thổ) thuộc Ô1, Ô2, Ô3.*

(Tòa án nhân dân huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp, *Bản án số 51/2008/DSST*)

Lỗi trong hai ví dụ (23) và (24) là do sử dụng hai từ ngữ liên tiếp có quan hệ bao nghĩa. Cụ thể, trong ví dụ (23), những mâu thuẫn *không lớn* có thể hiểu là những mâu thuẫn bao gồm *vừa* và *nhỏ*; trong ví dụ (24), *canh tác* có nghĩa là sử dụng đất để cày cấy, trồng trọt; sử dụng đất bao gồm *canh tác* và *dùng đất vào*

những việc khác như cất nhà, xây chuồng trại chăn nuôi... Trong ví dụ (25), *các đương sự khác* chỉ những đương sự còn lại trong một tập hợp sau khi đã loại trừ đương sự được nhắc tới trước đó. Ở ví dụ (26), *chuyển nhượng* là từ chuyên môn có nghĩa: chuyển quyền sử dụng (trong bản án đang xét là quyền sử dụng đất) cho người khác bằng hình thức bán lại, từ *bán* (mua bán) là từ thừa.

2.3.2. Dùng sai nghĩa của từ ngữ

Xét các ví dụ sau:

(27) *Bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của các người bị hại nên công nhận sự tự nguyện này.*

(Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Bản án số 08/2009/HSST)

(28) *Nhưng với tính hung hãn, lưu manh côn đồ, các bị cáo đồng ý đi theo nói là để hòa giải nhưng thực chất là để đánh giết mặt nhằm trả thù cho nhóm bạn, nên trước khi đi đã mang theo hung khí là các con dao.*

(Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Bản án số 04/2010/HSST)

Các là từ có nghĩa chỉ toàn thể và xác định. Cũng chính ý nghĩa toàn thể làm cho *các* kết hợp kém tự nhiên với những trung tâm của danh từ biểu thị sự vật với tư cách là những đơn vị tách biệt nhau một cách rõ rệt. Trong những ví dụ trên, danh từ trung tâm là danh từ chỉ đơn vị *người*, *con* đã xác định và tính chất chỉ toàn thể đã bộc lộ rõ trong ngữ cảnh. *Những* cũng là một lượng từ có cùng vị trí với *các* trong cấu trúc danh ngữ tiếng Việt và trong trường hợp của những ví dụ trên, sử dụng từ *những* thay vì *các* sẽ chính xác hơn. Xét tiếp các ví dụ sau:

(29) *Tiền án, tiền sự: chưa.*

(Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Bản án số 04/2010/HSST)

(30) [...] *riêng bị cáo H., nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, nên được xét giảm một phần hình phạt theo quy định của pháp luật.*

(Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, Bản án số 08/2009/HSST)

(31) *Do đó, đã đủ cơ sở khách quan để quy kết bị cáo Đ.T.C. phạm vào tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 93 của Bộ luật Hình sự.*

(Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Bản án số 05/2010/HSST)

Ba trường hợp trên đều có lỗi nghiêm trọng về ngữ nghĩa. Nói đến *tiền án, tiền sự* của bị cáo là nói đến những hành vi phạm pháp trước đây được tính đến thời điểm diễn ra hành vi phạm pháp mới đang được xét xử trong hiện tại. *Chưa* là từ biểu thị ý phủ định đối với điều mà cho đến một lúc nào đó không xảy ra nhưng trong tương lai có thể xảy ra. Tòa chỉ có thể kết luận là bị cáo *có* hay *không có* tiền án, tiền sự chứ không thể kết luận là bị cáo *chưa* có tiền án, tiền sự. Vì vậy, ở ví dụ (29), (30) phải thay *chưa* bằng *không*. *Quy kết* là kết luận nhận định về người nào đó một cách chủ quan, thiếu căn cứ (và thường là đánh giá nặng nề). Do đó sử dụng từ *quy kết* như trong ví dụ (31) để kết luận bị cáo phạm tội giết người sau khi đã phân tích và đưa ra những bằng chứng, cơ sở pháp lý là không chính xác về ngữ nghĩa, có thể thay từ *quy kết* bằng *kết luận/khẳng định*.

3. Kết luận

Ngôn ngữ án văn cần đảm bảo tính minh xác, trang trọng để đạt tới hiệu quả

giao tiếp cao nhất, hướng tới chuẩn mực của tiếng Việt.

Tuy vậy, hiện nay ở nước ta vẫn còn những bản án mắc không ít lỗi cơ bản về dùng từ ngữ như đã trình bày ở trên. Thực trạng sử dụng ngôn ngữ như vậy chủ yếu vẫn là do bản thân người viết kém năng lực sử dụng tiếng Việt, nhưng cũng có phần do cơ quan chức năng có thẩm quyền thiếu những quy định cụ thể và chi tiết về ngôn ngữ bản án...

Để khắc phục tình trạng mắc lỗi ngôn ngữ trong án văn, theo chúng tôi,

một mặt, Nhà nước cần kịp thời có những giải pháp bồi dưỡng nâng cao trình độ sử dụng tiếng Việt của đội ngũ cán bộ tòa án hiện thời, chú ý đúng mức đến khả năng sử dụng tiếng Việt khi tuyển dụng cán bộ cho ngành tòa án, mặt khác, cần nhanh chóng ban hành những quy định về ngôn ngữ trong án văn và xây dựng, phổ biến những bản án mẫu phù hợp với từng lĩnh vực được xét xử.

¹ Ngoại trừ những trường hợp cần thiết, ở các ví dụ, chúng tôi sẽ viết tắt danh từ riêng (chỉ viết tắt chữ cái đầu, chẳng hạn: Bà Nguyễn Thị Hai viết tắt là Bà N.T.H). Để tiện theo dõi, nếu ví dụ là một câu hay chuỗi câu quá dài, chúng tôi sẽ lược bớt phần nội dung không cần thiết. Phần lược bớt sẽ đặt trong dấu [...]. Trong một ví dụ có thể có nhiều vấn đề ngôn ngữ khác nhau nhưng chúng tôi chỉ tập trung phân tích loại đang được đề cập.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đinh Văn Đức (1986), *Ngữ pháp tiếng Việt – từ loại*, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.
2. Nguyễn Thiện Giáp (1998), *Từ vựng học tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Bùi Mạnh Hùng (2000), “Về một số đặc trưng ngữ nghĩa – ngữ pháp của “những” và “các””, *Tạp chí Ngôn ngữ*, (3).
4. Đinh Trọng Lạc (1995), *Phong cách học tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
5. Hoàng Phê (chủ biên) (2005), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Hà Nội.
6. Ngô Văn Thân, Nguyễn Hữu Đắc, Lê Kim Quế, Nguyễn Hữu Viện, Lê Đức Tiết (1999), *Từ điển Luật học*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
7. Nguyễn Thu (2004), “Hướng tới việc cải cách tư pháp trong năm 2004: Ban hành mẫu bản án thống nhất trong toàn ngành - Một việc rất cần làm”, *Báo Pháp luật*, (2).
8. Anh Thư (2004), “Cách viết bản án còn tùy tiện”, *Vietbao.vn*, <http://vietbao.vn/An-ninh-phap-luat/Cach-viet-ban-an-hinh-su>, ngày 20-4-2004.
9. Cù Đình Tú (1983), *Phong cách học và đặc điểm tu từ tiếng Việt*, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 01-9-2011; ngày chấp nhận đăng: 10-11-2011)